

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 611/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978; Địa chỉ: 339/10B Đường K, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê P, sinh năm 1969; Địa chỉ: 339/10B Đường K, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 12 ngày 08/8/2000.

Quá trình sống chung, khoảng thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống không phù hợp, bất đồng quan điểm nên giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã về cách chi tiêu tiền bạc, chăm sóc con, ông bà đã ly thân được hơn 01 năm. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Bà H và ông P xác nhận có 02 con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/11/2001 đã trưởng thành và phát triển bình thường và Lê Thị Quỳnh G, sinh ngày 24/9/2006. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận bà H trực tiếp nuôi Quỳnh G và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà H và ông P xác nhận không có.

[4] Về các vấn đề khác: Bà H và ông P xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê P thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 12 do Ủy ban nhân dân xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 08/8/2000 cho bà H và ông P chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Quỳnh G, sinh ngày 24/9/2006; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông P do bà H không yêu cầu. Riêng con chung Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/11/2001 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông P có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H và ông P xác nhận không có.

Về các vấn đề khác: Bà H và ông P xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do bà H và ông P chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà H và ông P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0070756 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Quyên

